

## LỜI MỞ ĐẦU

Sự chuyển đổi nền kinh tế thị trường (KTTT) theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là xu hướng tất yếu của mọi xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi mà nền kinh tế các nước phát triển trên thế giới đã đạt tới đỉnh cao và xu hướng vận động phát triển của thế giới đang tiến vào thế kỷ văn minh trí tuệ thì sự chuyển đổi KTTT theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là tất yếu khách quan của bất kỳ một quốc gia nào muốn vươn tới và hoà nhập với xu hướng phát triển chung của nhân loại. Sự phát triển thần kỳ của các nước Châu Á mà đặc biệt là các nước Đông Nam Á là một minh chứng cho sự thành công của quá trình chuyển đổi.

Sự phát triển thần kỳ như vũ bão của Đông Nam Á, sự bùng nổ khoa học kỹ thuật với tốc độ chóng mặt, quan hệ thế giới đã bước sang đối thoại hợp tác cùng nhau phát triển đã tác động rất lớn tới Việt Nam.

Về mặt kinh tế hiện nay Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia kém phát triển. Để có thể vươn lên đạt trình độ phát triển ngang hàng với các quốc gia khác, Việt Nam cần phải tìm cho mình con đường phát triển phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong nước vừa đảm bảo xu thế phát triển chung của thế giới. Đó chính là việc chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang nền KTTT định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước.

Chính vì vậy Đảng đã xác định "việc chuyển đổi nền kinh tế sang KTTT định hướng XHCN" là rất cần thiết và Đảng cũng nhấn mạnh vai trò kinh tế của Nhà nước là vô cùng quan trọng. Kinh nghiệm các nước công nghiệp mới và Nhật Bản cho thấy vai trò kinh tế của Nhà nước là một trong những nhân tố quyết định đến sự phát triển của đất nước. Nói đến sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản là nói tới "hiệu năng Nhật Bản" là sự tác động quyết định do có sự quản lý nền kinh tế của Nhà nước.

Từ giữa những năm 80 khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, chúng ta đã nhận rõ vai trò động lực tư lớn của Nhà nước tới nền KTTT. Nhà nước không những là chủ thể mà còn là khách thể. Nhà nước tham gia vào các loại quan hệ khác nhau trong nền kinh tế. Vì vậy vấn đề đặt ra là phải làm rõ được vai trò kinh tế của Nhà nước và sử dụng nó một cách có hiệu quả để thúc đẩy quá trình vận động nền KTTT theo định hướng XHCN theo hướng có lợi nhất vừa phát huy tác dụng tích cực và hạn chế

được nhiều khiếm khuyết của nền KTTT vừa đảm bảo được sự tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội.

Chính vì những điều đó, trong bài viết này em xin đề cập với ***"Vai trò kinh tế của nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam"***. Đây là một vấn đề lớn muốn giải quyết được đòi hỏi phải có thời gian công sức nghiên cứu không dễ gì giải quyết trọn vẹn trong bài viết ngắn. Do đó chắc chắn sẽ không tránh khỏi nhiều khiếm khuyết sai sót. Em mong nhận được sự góp ý nhận xét và bổ sung.

## **NỘI DUNG**

### **I/ CÁC LÝ THUYẾT VỀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **1. Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin về vai trò kinh tế của Nhà nước**

Chủ nghĩa Mác Lê nin xem xét nền kinh tế dưới góc độ vĩ mô từ hiện tượng đến bản chất. Chủ nghĩa Mác Lê nin cho rằng trong một nền kinh tế thì cần phải có sự can thiệp của Nhà nước. Một nền kinh tế khi chuyển đổi sang cơ chế thị trường có rất nhiều khuyết tật. Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế nhằm hạn chế tối đa những khuyết tật và phát huy cao độ những mặt tích cực của kinh tế phát triển. Theo Mác nếu không có sự can thiệp của Nhà nước thì nền kinh tế không hoạt động bình thường được, nó sẽ trở nên rối ren mất cân đối một cách nghiêm trọng.

Dưới chủ nghĩa Mác, Nhà nước không những chỉ có vai trò quản lý kinh tế mà còn có vai trò điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô đảm bảo sự phát triển ổn định về nền kinh tế, chống lạm phát và khuynh hướng tạo ra sự cân đối giữa các ngành nghề và duy trì sự cân bằng đó Nhà nước kết nối giữa hai ngành nghề, cân đối giữa cung và cầu, điều tiết sự lưu thông hàng hoá và tiền tệ.

Nhà nước đảm bảo tính hiệu quả cho sự phát triển, Nhà nước dùng các chính sách tiền tệ, tài chính, tài khoá... và các biện pháp đưa Khoa học kỹ thuật công nghệ vào nền kinh tế thúc đẩy sự nền kinh tế phát triển nhanh chóng. Với công cụ là hệ thống luật pháp, Nhà nước sử dụng nhằm điều chỉnh nền kinh tế phát triển đúng hướng, bảo đảm sự ổn định ngăn chặn những hiện tượng xấu không đáng có.

Như vậy, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin là đúng đắn nhất. Trong bất kỳ một quốc gia nào đều nhất thiết phải có sự tham gia điều tiết của Nhà nước. Nhà nước điều chỉnh và duy trì xã hội thích nghi với những điều kiện mới và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế. Việt Nam ta theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đã và đang xây dựng củng cố vai trò Nhà nước CHXHCNVN trong nền kinh tế.

#### **2. Lý luận của trường phái cổ điển**

Khác với chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của trường phái cổ điển cho rằng Nhà nước không nên can thiệp vào nền kinh tế. Họ cho rằng thừa nhận sự tồn tại của qui luật kinh tế là khách quan không phụ thuộc vào ý chí của con người. Những quy luật đó có khả năng đảm bảo sự công bằng tự nhiên trong hệ thống kinh tế. Vì vậy trường phái cổ điển tán thành hạn chế bằng mọi cách sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế cứ để cho các trường phái kinh tế hoạt động tự do nền kinh tế sẽ tiến tới toàn dụng nhân công do tác dụng của hai lực cung cầu. Trường phái cổ điển

ra đời khi chế độ phong kiến vẫn còn tồn tại và do đó đã ảnh hưởng phần nào tới quan điểm của họ.

Sự phát sinh các quan điểm của trường phái cổ điển về Nhà nước bắt nguồn từ các học thuyết của trường phái trọng nông mà điển hình học thuyết "luật tự nhiên" của F. Quesnay. Đây là tư tưởng trung tâm trong học thuyết của Quesnay. Ông cho rằng trong xã hội tính ngẫu nhiên không chiếm vị trí thống trị mà tính tất yếu tính quy luật mới chiếm vị trí thống trị. Trong lý thuyết về "luật tự nhiên" ông thừa nhận vai trò tự do cá nhân coi đó là luật tự nhiên của con người Ông đòi có sự cạnh tranh tự do giữa những người sản xuất hàng hoá. Theo ông yếu tố không thể thiếu được của "luật tự nhiên" là thừa nhận quyền bất khả xâm phạm đối với sở hữu cá nhân.

Nhưng nội dung đó nói lên rằng "luật tự nhiên" của Quesnay phản ánh yêu cầu phát triển của tư bản với những yếu tố bên trong mà Nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế. Ông cho rằng chính sách tự do kinh tế là đúng đắn nhất.

Sự phát triển các quan điểm của trường phái cổ điển phải nhắc tới Adam Smith (1723 - 1790) Ông là nhà kinh tế chính trị học cổ điển nổi tiếng ở Anh và trên thế giới, Ông là con người tài năng 14 tuổi đã vào đại học. Tư tưởng của ông thấm nhuần nguyên lý triết học của Scotlen. A.Smith là nhà tư tưởng tiên tiến của giai cấp tư sản ông muốn thủ tiêu phân tích phong kiến mở đường cho CNTB phát triển và xem chế độ TBCN là hợp lý duy nhất. Thế giới quan của A.Smith chủ yếu là duy vật nhưng chủ nghĩa duy vật ở ông còn mang tính chất tự phát máy móc chưa biết phép biện chứng duy vật ông thừa nhận các quy luật kinh tế khách quan và tư tưởng tự do kinh tế. Ông đưa ra lý thuyết "Bàn tay vô hình" và nguyên lý "nhà nước không can thiệp" vào hoạt động nền kinh tế. Theo ông "Bàn tay vô hình" chính là quy luật kinh tế khách quan tự phát hoạt động chi phối hoạt động của con người. Hệ thống các quy luật kinh tế khách quan đó còn gọi là "Trật tự tự nhiên". Theo ông nền kinh tế phải phát triển trên cơ sở tự do kinh tế sự vận động của thị trường do quan hệ cung cầu và sự biến đổi tự phát của giá cả hàng hoá trên thị trường. Smith cho rằng chế độ xã hội mà trong đó tồn tại sản xuất và trao đổi hàng hoá là một chế độ bình thường, nền kinh tế bình thường là nền kinh tế phát triển trên cơ sở tự do cạnh tranh. Theo ông chế độ bình thường được xây dựng trên cơ sở "trật tự tự nhiên". Chế độ không bình thường là sản phẩm của sự dốt nát.

Nếu Quesnay cho rằng "luật tự nhiên" chỉ trở thành hiện thực trong những điều kiện thuận lợi thì A.Smith cho rằng "Trật tự tự nhiên" được thể hiện trong mọi xã hội không phụ thuộc vào điều kiện nào. Theo ông qui luật kinh tế là vô định. Mặc dù chính sách kinh tế có thể kìm hãm hoặc thúc đẩy sự tác động của qui

luật kinh tế nhưng Smith cho rằng sự phát triển bình thường là sự tự điều tiết không cần có sự can thiệp của Nhà nước vào kinh tế. Theo Ông Nhà nước có những chức năng sau:

- Bảo vệ xã hội chống lại bạo lực và bất công của các dân tộc khác.
- Bảo vệ mọi thành viên trong xã hội tránh khỏi bất công và áp lực của thành viên khác.
- Đôi khi Nhà nước cũng thể hiện một vào chức năng kinh tế khi những nhiệm vụ này vượt quá khả năng của những nghiệp riêng biệt như xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình công cộng lớn...

Như vậy Smith cho rằng sự hoạt động của "bàn tay vô hình" sẽ đưa nền kinh tế đến sự cân bằng mà không cần sự can thiệp của Nhà nước và chính phủ cũng không nên can thiệp làm gì.

Nhưng các nhà kinh tế học tư sản cổ điển đã mắc phải sai lầm khi cho rằng không cần Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế. Từ những năm 30 của TK 19, cách mạng chủ nghĩa ở Anh hoàn thành, và từ 1825 trở đi các cuộc khủng hoảng kinh tế lặp lại liên tục và có chu kỳ và gần đây nhất là khủng hoảng kinh tế Thái Lan sang Hàn Quốc, Indônêsiá.... Những hiện tượng kinh tế mới nảy sinh như khủng hoảng thất nghiệp, sự phá sản của những người sản xuất nhỏ... Sự sai lầm của họ là họ đã xa rời phương pháp triu tượng hoá khoa học mà chỉ xem xét hệ thống hoá các hiện tượng bề ngoài mà không đi sâu phân tích các bản chất bên trong của quá trình kinh tế. Điều đó chứng tỏ "bàn tay vô hình" không thể đảm bảo cho những điều kiện ổn định cho nền kinh tế thị trường phát triển".

### **3. Lý luận của trường phái tân cổ điển.**

Cuối TK19 đầu TK 20 do những mâu thuẫn vốn có của CNTB ngày càng sâu sắc và những khó khăn về kinh tế thất nghiệp ngày càng tăng, do những hiện tượng kinh tế mới nảy sinh đòi hỏi phải có sự phân tích những hiện tượng mới đó. Trước bối cảnh đó học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển xã hội nhằm giải thích các hiện tượng kinh tế mới và chống quan điểm của chủ nghĩa Mác.

Phương pháp luận của trường phái tân cổ điển là cách tiếp cận chủ quan đối với các hiện tượng kinh tế các nhà tân cổ điển chủ trương phân tích các hiện tượng kinh tế trong các xí nghiệp riêng biệt rồi rút ra kết luận chung cho toàn xã hội điều đó dẫn đến rất nhiều thiếu sót và sai lầm. Phương pháp của họ chỉ là phương pháp phân tích vi mô.

Trường phái cổ điển mới dựa vào yếu tố tâm lý chủ quan để giải thích các hiện tượng và quá trình kinh tế xã hội, họ củng cố lý thuyết giá trị chủ quan. Trường phái tân cổ điển muốn biến kinh tế chính trị thành khoa học kinh tế thuần túy không có

mối liên hệ với các điều kiện chính trị - xã hội và cũng giống như trường phái cổ điển các nhà kinh tế học trường phái tân cổ điển ủng hộ tự do cạnh tranh chống lại sự can thiệp của Nhà nước vào kinh tế. Vai trò của chính phủ không quan điểm của họ là rất mờ nhạt. Các học thuyết của họ áp dụng rộng rãi vào kinh tế, tư tưởng của họ nặng về mặt lượng và bỏ qua mặt chất. Như vậy họ không thể chỉ ra một cách hoàn chỉnh các qui luật các phạm trù kinh tế. Họ đưa ra lý thuyết kinh tế tự điều chỉnh vì vậy quan điểm của họ là không cần đến sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế. Họ tin tưởng chắc chắn vào cơ chế thị trường tự phát sẽ đảm bảo thăng bằng cung cầu đảm bảo cho nền kinh tế phát triển. Như vậy quan điểm của trường phái này có rất nhiều giới hạn và được gọi là trường phái giới hạn.

#### **4. Lý luận của trường phái Keynes**

Vào 30 của thế kỷ 20 khủng hoảng kinh tế diễn ra thường xuyên. Tình trạng thất nghiệp nghiêm trọng đã làm cho các lý thuyết tự điều chỉnh kinh tế của trường phái cổ điển tân cổ điển tỏ ra kém hiệu quả. Thực tiễn chứng minh rằng các lý thuyết kinh tế cho rằng sự hoạt động của các qui luật kinh tế khách quan sẽ tự điều tiết nền kinh tế và đưa đến sự cân bằng mà không cần đến sự can thiệp của Nhà nước tỏ ra thiếu tính chất xác đáng. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất và sự xã hội hoá lực lượng sản xuất đòi hỏi phải có sự can thiệp điều chỉnh của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế. Trước thực tế đó học thuyết "chủ nghĩa tư bản được điều tiết" của John M. Keynes (1883 - 1946) ra đời.

Đặc trưng nổi bật của Keynes là phương pháp phân tích vĩ mô trong sự phân tích kinh tế. Keynes cho rằng việc phân tích kinh tế phải xuất phát từ tổng lượng lớn để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tổng lượng và khuynh hướng vận động của chúng. Keynes đánh giá cao vai trò điều tiết của Nhà nước và xem nhẹ cơ chế tự điều tiết của thị trường. Keynes không tán đồng quan điểm của trường phái cổ điển và tân cổ điển về sự cân bằng kinh tế dựa trên cơ sở tự điều tiết của thị trường. Ông cho rằng khủng hoảng và thất nghiệp do chính sách lỗi thời không can thiệp của Nhà nước, tự do kinh tế gây ra. Theo ông muốn có cân bằng kinh tế, Nhà nước phải can thiệp kinh tế thể hiện điều chỉnh kinh tế. Ông cho rằng Nhà nước phải điều tiết ở tầm vĩ mô mới giải quyết được việc làm tăng thu nhập, khuyến khích đầu tư và giảm tiết kiệm. Có như vậy mới giải quyết được tình trạng khủng hoảng và thất nghiệp thúc đẩy kinh tế phát triển. Ông đánh giá cao vai trò của hệ thống thuế khoá của Nhà nước vào sự điều chỉnh của Nhà nước đối với nền kinh tế, theo ông trước hết Nhà nước cần thể hiện để tăng cầu có hiệu quả. Nhà nước phải có chương trình đầu tư rất qui mô bởi qua đó Nhà nước can thiệp vào kinh tế tác động cục diện của

thị trường. Nhà nước phải có biện pháp để kích thích tiêu dùng sản xuất muốn vậy phải sử dụng ngân sách để kích thích đầu tư của tư nhân.

Tuy nhiên Keynes chủ trương khuyến khích mọi hoạt động để nâng cao tổng cầu và tăng khối lượng việc làm kể cả hoạt động ăn bám không có lợi cho nền kinh tế như quân sự hoá nền kinh tế, sản xuất vũ khí miễn sao tạo ra việc làm.

Như vậy quan điểm của Keynes vẫn còn những thiếu sót. Sau 4 năm thể hiện học thuyết Keynes thì nền kinh tế lại một lần chần động. Nạn thất nghiệp không được khắc phục mà có xu hướng gia tăng, thị trường "lạm phát có điều tiết" làm cho lạm phát trầm trọng hơn. Sai lầm của Keynes là khi đánh giá cao vai trò quản lý của Nhà nước ông lại bỏ qua vai trò của cơ chế thị trường vì vậy các hiện tượng mà ông xem xét chưa thật sự hoàn chỉnh.

## **II. NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

### **1. Tính tất yếu khách quan của việc chuyển đổi KTTT theo cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước.**

*a. Định nghĩa:* Cơ chế thị trường là tổng thể những mối quan hệ kinh tế các phạm trù kinh tế và qui luật kinh tế có quan hệ hữu cơ với nhau cùng tác động để điều tiết cung - cầu giá cả cùng những hành vi của người tham gia thị trường nhằm giải quyết 3 vấn đề cơ bản: Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai?

Các mối quan hệ trong cơ chế thị trường chịu sự tác động của các qui luật kinh tế khách quan như qui luật giá trị, qui luật cung cầu, qui luật lưu thông tiền tệ. Động lực của các mối quan hệ này là lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh. Đó là cơ chế tự điều tiết trong môi trường cạnh tranh. Nổi bật cơ chế thị trường là cơ chế có rất nhiều ưu điểm:

- Cơ chế thị trường là cơ chế năng động nhạy cảm có khả năng tự động điều tiết nền sản xuất xã hội tức là sự phân bổ sản xuất vào các khu vực các ngành kinh tế hay sản xuất cái gì như thế nào đều do thị trường quyết định mà không cần bất cứ sự điều khiển nào.

- Cơ chế thị trường đáp ứng được những nhu cầu đa dạng phức tạp của người tiêu dùng, tự động kích thích sự phát triển của sản xuất, tăng cường chuyên môn hoá sản xuất.

- Cơ chế thị trường mang tính hiệu quả cao: Các doanh nghiệp muốn thu được lợi nhuận cao thì đòi hỏi phải tiết kiệm chi phí sản xuất, kích thích tiến bộ của KHKT CN.

- Cơ chế thị trường thúc đẩy sự cạnh tranh làm cho sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao hơn, giá thành các sản phẩm giảm.

Bên cạnh những mặt tích cực trên cơ chế thị trường còn rất nhiều khuyết tật và mâu thuẫn như sau:

- Cơ chế thị trường là cơ chế tự điều tiết chạy theo lợi nhuận, các nhà sản xuất, sản xuất quá nhiều một loại sản phẩm hàng hoá vào đó gây ra ế thừa dẫn đến sự khủng hoảng lãng phí.

- Cơ chế thị trường gây mất cân bằng xã hội. Tính cạnh tranh của cơ chế làm xã hội làm xã hội phân hoá giàu nghèo, giai cấp.

- Cơ chế thị trường gây mất ổn định mất cân đối trong sản xuất xã hội. Thực tế cho thấy cơ chế thị trường là nguyên nhân của các vấn đề lạm phát và thất nghiệp.

- Cơ chế thị trường gây ra các phế thải làm ô nhiễm môi trường.

- Các doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận bất chấp tất cả làm hàng giả lậu thuế...

*b. Tính tất yếu khách quan của việc chuyển đổi hàng hoá sang KTTT có sự quản lý của Nhà nước Việt Nam.*

Trước kia nền kinh tế nước ta là nền kinh tế kế hoạch hoá quan liêu bao cấp. Trên thực tế Nhà nước chỉ thừa nhận một thành phần kinh tế XHCN với 2 loại hình sở hữu là toàn dân và tập thể. Các thành phần kinh tế khác bị hạn chế một cách tối đa thậm chí bị triệt tiêu kinh tế tư nhân không được phép tồn tại và hoạt động. Nhà nước thể hiện quản lý kinh tế thông qua hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết với chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước bao cấp toàn bộ và can thiệp quá sâu vào các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp các HTX, các tổ sản xuất. Quyết định tất cả trừ kế hoạch sản xuất, giá cả sản phẩm, thị trường tiêu thụ đến lỗ lãi và biên chế của các doanh nghiệp. Nhà nước thành lập ra Ủy ban vật giá để quyết định giá cả sản phẩm nhưng Nhà nước lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất với các quyết định của mình. Các doanh nghiệp thì không có quyền tự chủ về tài chính và cũng không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả kinh doanh. Cơ quan hành chính Nhà nước lại can thiệp quá sâu vào nền kinh tế. Bộ máy quản lý kinh tế được tổ chức chồng chéo nhưng lại tỏ ra kém hiệu quả. Mọi quyết định quan trọng đều xuất phát từ Trung ương, biên chế của bộ máy quản lý kinh tế ngày càng phình to nhưng năng lực lại yếu kém phong cách quản lý quan liêu cửa quyền. Cán bộ quản lý kém năng lực, trình độ chuyên môn thấp họ chủ yếu xuất phát từ những người có công với cách mạng. Trong phân phối chủ yếu phân phối theo chủ nghĩa bình quân nên người lao động không năng động sáng tạo, không nhiệt tình làm việc không quan tâm tới tiết kiệm đầu tư... nên năng suất lao động thấp kém và ngày càng giảm xuống chi phí thì tăng lên dẫn tới sự thua lỗ của các doanh nghiệp các HTX và các tổ sản xuất... Hiệu quả kinh tế trong thời kỳ này rất



thấp do chỉ đầu tư và sản xuất theo kế hoạch mà không tính tới nhu cầu của nền kinh tế và xã hội, sản xuất không phù hợp với tiêu dùng gây ra một sự lãng phí lớn. Do không có cạnh tranh nên công nghệ, KHKT chậm đổi mới chất lượng sản phẩm ngày càng thấp, giá cả ngày càng cao do chi phí sản xuất quá lớn. Hàng hoá trên thị trường thiếu hụt nghiêm trọng kinh tế chậm phát triển, thời kỳ này do nước ta chú ý trông chờ vào các viện trợ vốn và hàng hoá từ nước ngoài. Khi nguồn viện từ nước ngoài giảm và chấm dứt, nền kinh tế không theo kịp đà rơi vào khủng hoảng sản xuất trì trệ đình đốn, hàng hoá khan hiếm, giá cả cao dẫn đến lạm phát có thời kỳ lạm phát vượt mức 700% đời sống người lao động ngày càng khó khăn hơn.

Mặt khác cũng trong thời kỳ này nền kinh tế của các quốc gia trong khu vực đang phát triển mạnh. Nền kinh tế ở các nước công nghiệp mới phát triển, nghiên cứu chủ yếu là thành phần kinh tế tư bản tư nhân và Nhà nước chỉ đóng vai trò hướng dẫn nền kinh tế phát triển thông qua các kế hoạch trung hạn và dài hạn. Nhà nước không can thiệp trực tiếp mà tạo điều kiện để các doanh nghiệp cạnh tranh tự do trên thị trường. Chính vì vậy tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các nước này là rất cao, đời sống nhân dân nâng lên rõ rệt.

Trước sự suy thoái kinh tế nghiêm trọng, trước xu hướng phát triển liên tục của các nước trong khu vực và trên thế giới đặt nền kinh tế nước ta tới sự bức bách phải đổi mới.

Từ đại hội VI, của Đảng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và thực hiện chuyển đổi cơ chế kế hoạch hoá sang cơ chế thị trường định hướng XHCN. Đến đại hội VII, Đảng ta xác định rõ việc chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền KTTT định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước. Xem xét dưới góc độ khoa học, việc chuyển đổi này là hoàn toàn đúng đắn phù hợp với thực tế của nước ta, phù hợp với các quy luật kinh tế với xu thế của thời đại.

## **2. Đặc trưng của nền KTTT ở Việt Nam hiện nay.**

Chuyển nền kinh tế hoạt động theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung hành chính quan liêu bao cấp sang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN là nội dung bản chất và đặc điểm khái quát nhất của nước ta trong giai đoạn hiện nay và cả tương lai.

### *a. Trên thực tế nền KTTT có những đặc trưng cơ bản sau đây:*

Thứ nhất trong nền kinh tế thị trường thì cơ chế phát huy vai trò tự điều tiết của thị trường. KTTT tạo cho các chủ thể kinh tế có tính tự chủ rất cao có nghĩa là các chủ thể tự quyết định sản xuất, tự chi phí và tự chịu trách nhiệm đối với kết quả sản xuất và kinh doanh của mình. Các chủ thể tự do liên kết liên doanh hợp tác sản

xuất. Vì lợi ích của chính các chủ thể nên các chủ thể tìm mọi cách để thu lợi nhuận. Vì vậy mà các sản phẩm hàng hoá đa dạng phong phú chất lượng cao và giá thành rẻ. Có thể nói cơ chế thị trường đã phát huy tính chủ động sáng tạo của các chủ thể, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhà sản xuất với doanh nghiệp.

Đặc trưng nổi bật thứ hai chính là sự phong phú của sản phẩm hàng hoá trên thị trường. Mọi người được tự do mua bán trao đổi, ưu thế của KTTT phản ánh trình độ cao của năng suất lao động và sự phát triển nhanh chóng của thị trường. Hàng hoá được cải tiến mẫu mã chất lượng liên tục là do các nhà sản xuất đầu tư KHKT & CN và do trình độ tay nghề cao của lực lượng lao động.

Ba là: phát huy tính năng động của cơ chế thị trường, việc tự do hoá thương mại, tự do hoá giá cả được hình thành và ngày càng được đổi mới. Giá cả được hình thành ngay trên thị trường, nó chịu sự tác động của cạnh tranh.

Bốn là: Cạnh tranh là một tất yếu của KTTT. Các chủ thể doanh nghiệp muốn thu nhiều lợi nhuận thì phải đua nhau cải tiến kỹ thuật áp dụng KHKT & CN mới vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động giảm hao phí lao động tới mức tối thiểu nhờ đó mà nền kinh tế có điều kiện phát triển nhanh chóng.

Năm là: KTTT là hệ thống kinh tế mở cửa giao lưu trao đổi với thị trường nước ngoài nhưng được đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

*b. Thực trạng nền KTTT nước ta hiện nay.*

- Từ những năm đổi mới trở lại đây nền KTTT nước ta đang từng bước chuyển từ nền kinh tế tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Cơ chế này thực sự đã phát huy được vai trò tự điều tiết của thị trường bước đầu hình thành thị trường cạnh tranh làm cho hàng hoá được lưu thông, giá cả ổn định nền kinh tế thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

- Nền kinh tế một thành phần kinh tế trước kia đang chuyển sang nền kinh tế 5 thành phần với các hình thức sở hữu khác nhau nhưng sự hoạt động này chưa đồng đều và chưa có đủ điều kiện để phát triển.

- Cơ chế tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả, tỷ giá từng bước được hình thành và đổi mới

- Tuy nhiên cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay còn thiếu đồng bộ mang tính tự phát.

Nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, sự quản lý tỏ ra yếu kém và không có hiệu quả. Tình trạng quan liêu thiếu hiểu biết thậm chí trì trệ bảo thủ của quyền vẫn tồn tại trước sự đổi mới nền kinh tế. Sự hình thành và vận động của KTTT mang những yếu tố tự phát, cơ chế vận hành thô sơ tạo điều kiện cho kiểu làm ăn bất